TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TC** TỈNH AG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2023/DS-ST
Ngày: 16-06-2023
"V/v Tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TC, TỈNH AG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuỳ Dương

Các Hội thẩm nhân dân Ông Nguyễn Thế Phương và ông Lê Trường Vũ.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trịnh Hữu Lợi - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã TC, tỉnh AG.

Ngày 16 tháng 06 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã TC xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2023/TLST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2023/QĐXXST-DS ngày 22/05/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị T, sinh năm 1967; Địa chỉ: Tổ 02, ấp 03, xã VX, thị xã TC, tỉnh AG, vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Anh Nguyễn Phước H, sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp Vĩnh Nghĩa, xã VT, huyện AP, tỉnh AG, vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1988; Địa chỉ: Ấp 02, xã VX, thị xã TC, tỉnh AG, vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 03/02/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Võ Thị T (đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Phước H) trình bày:

Vào năm 2020, năm 2021 chị Nguyễn Thị B có tham gia nhiều dây hụi do bà Võ Thị T làm chủ hụi, cụ thể:

Ngày 20/8âl/2020 nhằm ngày 06/10dl/2020 bà T khởi dây hụi 5.000.000 đồng/ tháng, hụi gồm 23 hụi viên, chị B tham gia 01 phần, hụi khui đến lần thứ hai thì chị B hốt hụi với số tiền 4.200.000 đồng x 21 (trừ B) + 5.000.000 đồng (hụi viên đã hốt) = 93.200.000 đồng, tiền huê hồng là 2.000.000 đồng, sau khi

hốt hụi chị B góp hụi lại được 05 lần với số tiền 25.000.000 đồng, chị B còn nợ lại bà T số tiền 80.000.000 đồng (16 lần góp hụi).

Ngày 04/02âl/2021, nhằm ngày 16/03dl/2021 bà T khởi 50 dây hụi ngày, 20.000 đồng/ngày/phần hụi, hụi gồm 50 hụi viên, mỗi ngày khui một lần, chị B tham gia 70 phần/10 dây hụi, hụi khui đến ngày thứ 03, chị B bỏ 1.000 đồng để hốt 70 phần/10 dây hụi, các hụi viên phải đóng 19.000 đồng/phần, tổng cộng chị B hốt được số tiền là: 19.000 đồng x 47 phần + (3 phần hụi đã hốt 20.000 đồng x 3 = 60.000 đồng) - (20.000 đồng tiền huê hồng) x 70 phần (B tham gia) = 65.310.000 (sáu mươi lăm triệu ba trăm mười nghìn) đồng, tiền huê hồng 20.000 đồng/dây hụi. Sau khi hốt hụi, chị B góp hụi lại cho bà T bao nhiêu thì bà T không nhớ. Đến ngày 24/04âl/2021 nhằm ngày 04/06dl/2021, chị B và bà T chốt sổ hụi, chị B thừa nhận còn thiếu lại bà T số tiền 56.000.000 đồng và viết biên nhận cho bà T.

Ngày 18/03/2022, chị B và bà T chốt sổ hụi, chị B thừa nhận còn nợ bà T số tiền hụi ngày và hụi tháng là 136.000.000 đồng (trong đó hụi ngày 56.000.000 đồng; hụi tháng 80.000.000 đồng), chị B viết biên nhận nợ và giao bản chính cho bà T giữ. Bà T đã nhiều lần yêu cầu chị B trả nợ nhưng chị B cứ hẹn mà không trả.

Nay bà Võ Thị T yêu cầu chị Nguyễn Thị B có trách nhiệm trả cho bà T số tiền 136.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 18/03/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm, yêu cầu tính lãi giai đoạn thi hành án.

Kèm theo đơn khởi kiện nguyên đơn (và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn) cung cấp các tài liệu: Bản sao giấy nhận nợ; bản tự khai (tờ tường trình của bà T) .

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị B trình bày: Chị B có tham gia nhiều dây hụi do bà T làm chủ như lời khai nêu trên của bà Tiệp. Chị B đã hốt hụi tổng cộng số tiền là 158.510.000 đồng. Tất cả các dây hụi chị B tham gia đã kết thúc. Sau khi hốt hụi chị B đã góp hụi lại được 05 lần đối với dây hụi 5.000.000 đồng/tháng (số tiền là 25.000.000 đồng, còn nợ lại bà Tiệp 16 lần chưa góp = 80.000.000 đồng), đối với 70 phần/10 dây hụi ngày, chị B góp hụi lại đến ngày 24/04âl/2021 thì ngưng, chị B và bà T chốt sổ hụi, chị B còn nợ bà T 56.000.000 đồng. Đến ngày 18/03/2022, chị B cùng bà T thống nhất lại số tiền hụi, chị B chưa thanh toán cho bà T là 136.000.000 đồng. Chị B có làm giấy nhận nợ ký tên, ghi họ tên và điểm chỉ, các bên thống nhất trong giấy nhận nợ là 136.000.000 đồng tiền hụi.

Hiện nay, chị B đang khó khăn về kinh tế nên không có khả năng trả dứt một lần cho bà T số tiền 136.000.000 đồng và xin bà T 36.000.000 đồng, xin được trả dần cho bà T mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ 100.000.000 đồng và xin không tính lãi suất.

Bị đơn cung cấp các tài liệu: Không.

Tòa án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa, các đương sự đều vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử công bố lời khai các đương sự.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã TC thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và các văn bản pháp luật có liên quan. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn (người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn) và bị đơn vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp theo Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, yêu cầu của đương sự tham gia tố tụng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, buộc chị Nguyễn Thị B có trách nhiệm trả cho bà Võ Thị T số tiền 136.000.000 (một trăm ba mươi sáu triệu) đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 351, Điều 471, Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị B phải án phí chịu theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trên cơ sơ phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã TC, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Bà Võ Thị T khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị B có trách nhiệm thanh toán tiền hụi. Chị Nguyễn Thị B cư trú: Ấp 02, xã VX, thị xã TC, tỉnh AG nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã TC theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà T yêu cầu chị B thanh toán số tiền hụi 136.000.000 đồng. Do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là "Tranh chấp hợp đồng góp hụi".

- Về việc vắng mặt đương sự: Nguyên đơn (người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn) và bị đơn vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt nên

Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Bà Võ Thị T khai, vào năm 2020, năm 2021 chị Nguyễn Thị B có tham gia nhiều dây hụi do bà Võ Thị T làm chủ hụi, cụ thể:

Ngày 20/8âl/2020 nhằm ngày 06/10dl/2020 bà T khởi dây hụi 5.000.000 đồng/ tháng, hụi gồm 23 hụi viên, chị B tham gia 01 phần, hụi khui đến lần thứ hai thì chị B hốt hụi với số tiền 4.200.000 đồng x 21 (trừ B) + 5.000.000 đồng (hụi viên đã hốt) = 93.200.000 đồng, tiền huê hồng là 2.000.000 đồng, sau khi hốt hụi chị B góp hụi lại được 05 lần với số tiền 25.000.000 đồng, chị B còn nợ lại bà T số tiền 80.000.000 đồng (16 lần góp hụi).

Ngày 04/02âl/2021, nhằm ngày 16/03dl/2021 bà T khởi 50 dây hụi ngày, 20.000 đồng/ngày/phần hụi, hụi gồm 50 hụi viên, mỗi ngày khui một lần, chị B tham gia 70 phần/10 dây hụi, hụi khui đến ngày thứ 03, chị B bỏ 1.000 đồng để hốt 70 phần/10 dây hụi, các hụi viên phải đóng 19.000 đồng/phần, tổng cộng chị B hốt được số tiền là: 19.000 đồng x 47 phần + (3 phần hụi đã hốt 20.000 đồng x 3 = 60.000 đồng) - (20.000 đồng tiền huê hồng) x 70 phần (B tham gia) = 65.310.000 (sáu mươi lăm triệu ba trăm mười nghìn) đồng, tiền huê hồng 20.000 đồng/dây hụi. Sau khi hốt hụi, B góp hụi lại cho bà T bao nhiêu thì bà T không nhớ. Đến ngày 24/04âl/2021 nhằm ngày 04/06dl/2021 chị B và bà T chốt sổ hụi, chị B thừa nhận còn thiếu lại bà T số tiền 56.000.000 đồng và viết biên nhận cho bà T.

Ngày 18/03/2022, chị B và bà T chốt sổ hụi, chị B thừa nhận còn nợ bà T số tiền hụi ngày và hụi tháng là 136.000.000 đồng (trong đó hụi ngày 56.000.000 đồng; hụi tháng 80.000.000 đồng), chị B viết biên nhận nợ và giao bản chính cho bà T giữ. Bà T đã nhiều lần yêu cầu chị B trả nợ nhưng chị B cứ hẹn mà không trả. Nay bà Võ Thị T yêu cầu chị Nguyễn Thị B có trách nhiệm trả cho bà T số tiền 136.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi giai đoạn thi hành án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/05/2023, chị B thừa nhận có tham gia góp hụi các dây hụi do bà T làm chủ và còn nợ lại bà T số tiền hụi 136.000.000 đồng như lời khai của bà T, đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Giữa bà T với chị B có thỏa thuận, xác lập hợp đồng góp hụi trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Các bên tham gia giao dịch đều là người có đủ năng lực hành vi dân sự nên đây là giao dịch dân sự hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 471 Bộ luật Dân sự 2015, cụ thể *"Họ, hụi, biêu, phường (sau đây gọi chung là họ) là hình thức giao dịch về tài sản theo tập quán trên cơ sở thỏa thuận của một nhóm người tập hợp nhau lại cùng định ra số người, thời gian, số tiền hoặc tài sản khác, thể thức góp, lĩnh họ và quyền, nghĩa vụ của các thành viên."*

Căn cứ vào sự thừa nhận của đương sự và theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường chị B đã vi phạm nghĩa vụ của hụi viên đối với chủ hụi. Xét thấy, chị B không thực hiện đúng trách nhiệm của hụi viên, vi phạm nghĩa vụ đã ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà T. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu chị B có trách nhiệm trả một lần số tiền hụi là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 351 Bộ luật Dân sự 2015, cụ thể *"Bên có nghĩa vụ mà vi phạm nghĩa vụ thì phải chịu trách nhiệm dân sự đối với bên có quyền. Vi phạm nghĩa vụ là việc bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ đúng thời hạn, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nội dung của nghĩa vụ"*.

Chị B xác nhận còn nợ tiền hụi bà T 136.000.000 đồng. Bà T yêu cầu chị B thanh toán số tiền hụi 136.000.000 đồng không yêu cầu tính lãi từ ngày 18/03/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm, yêu cầu tính lãi giai đoạn thi hành án là phù hợp. Hội đồng xét xử, chấp nhận.

Buộc chị Nguyễn Thị B có trách nhiệm trả cho bà Võ Thị T số tiền hụi 136.000.000 đồng (một trăm ba mươi sáu triệu) đồng**.**

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Chị B đồng ý trả số tiền 136.000.000 đồng theo yêu cầu của bà T, nhưng chị B xin bà T cho chị B số tiền 36.000.000 đồng và xin trả 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi dứt số tiền 100.000.000 đồng, nguyên đơn không chấp nhận yêu cầu của chị B và không đảm bảo quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn. Xét, không chấp nhận.

Tuy nhiên, cách trả sẽ được xem xét ở giai đoạn thi hành án.

[3] Các vấn đề khác: Do yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị T được chấp nhận nên bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Chị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 471, khoản 1 Điều 351, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí và lệ phí Tòa án; Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị T đối với chị Nguyễn Thị B về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi".

Buộc chị Nguyễn Thị B có trách nhiệm trả cho bà Võ Thị T số tiền hụi 136.000.000 đồng (một trăm ba mươi sáu triệu) đồng**.**

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị B phải chịu 6.800.000 (sáu triệu tám trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Võ Thị T không phải án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Võ Thị T số tiền 3.400.000 đồng (ba triệu bốn trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007329 ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TC, tỉnh AG.

Bà Võ Thị T và chị Nguyễn Thị B có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh AG (1);
- VKSND TX. TC (2);
- Hội thẩm nhân dân (2);
- CC.THADS TX. TC (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thùy Dương